TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN X** **TỈNH Y**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 16/2020/QĐST-DS	*X, ngày 16 tháng 3 năm 2020.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 211; Điều 212 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 06 tháng 3 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 09/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 01 năm 2020 (*thụ lý cũ số 98/2019/TLST-DS ngày 16/12/2019)*

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: bà Nguyễn T C (tên gọi khác: Nguyễn T G), sinh năm 1974.

Địa chỉ: thôn 5, xã Đăk Mar, huyện X, tỉnh Y.

Bị đơn: Ông Nguyễn M C, sinh năm 1971.

Bà Phạm T T L (tên gọi khác Phạm T L) sinh năm 1975.

Địa chỉ: Cùng trú tại thôn 3, xã Đăk Mar, huyện X, tỉnh Y.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà Phạm T T L (tên gọi khác Phạm T L) và ông Nguyễn M C liên đới có trách nhiệm trả số tiền 100.000.000 đồng *(một trăm triệu đồng)* cho bà Nguyễn T C (tên gọi khác Nguyễn T G), trả làm một lần.

Căn cứ Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Sau khi quyết định có hiệu lực pháp luật và bà Nguyễn T C (tên gọi khác Nguyễn T G) có đơn yêu cầu thi hành án mà bà Phạm T T L (tên gọi khác Phạm T L) và ông Nguyễn M C không chịu trả số tiền nêu trên thì còn phải chịu tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, nếu không có

thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 điều 468 của bộ luật dân sự 2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: căn cứ điều 144, khoản 3 điều 147 bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; áp dụng khoản 7 điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Nguyễn T C không khải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là **3.600.000 đồng** *(Ba triệu sáu trăm ngàn đồng)* theo biên lai số AA/2016/0000685 cho bà Nguyễn T C. Bà Phạm T T L (tên gọi khác Phạm T L) và ông Nguyễn M C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là **2.500.000 đồng** *(hai triệu năm trăm ngàn đồng)*

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Nga